VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần:

Định giá hấp dẫn trước thềm nâng hạng

Lợi suất trái phiếu kỳ hạn dài tăng cao



Các dự Luật sửa đổi sẽ trình Quốc hội



Triển vọng thị trường



Nguyễn Thị Bảo Trân tran.ntb@miraeasset.com.vn

Lê Hoàng Phương Nam nam.lhp@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- Tâm điểm tuần là việc lợi suất trái phiếu toàn cầu tăng mạnh ở kỳ hạn dài. Lợi suất các kỳ hạn dài đã tăng vọt kể từ tháng 7 trong bối cảnh các công ty AI đẩy mạnh phát hành nợ và lo ngại mức thâm hụt tài khóa chính phủ gia tăng. Lợi suất dài hạn cũng tăng sau khi Chủ tịch Fed Kevin Warsh hàm ý rằng tăng lãi suất có thể không phải là công cụ ưu tiên của ông để đối phó với tình trạng lạm phát cao, qua đó làm tăng thêm sự chú ý đối với các bài phát biểu tại hội nghị Jackson Hole trong tuần này.

Việt Nam

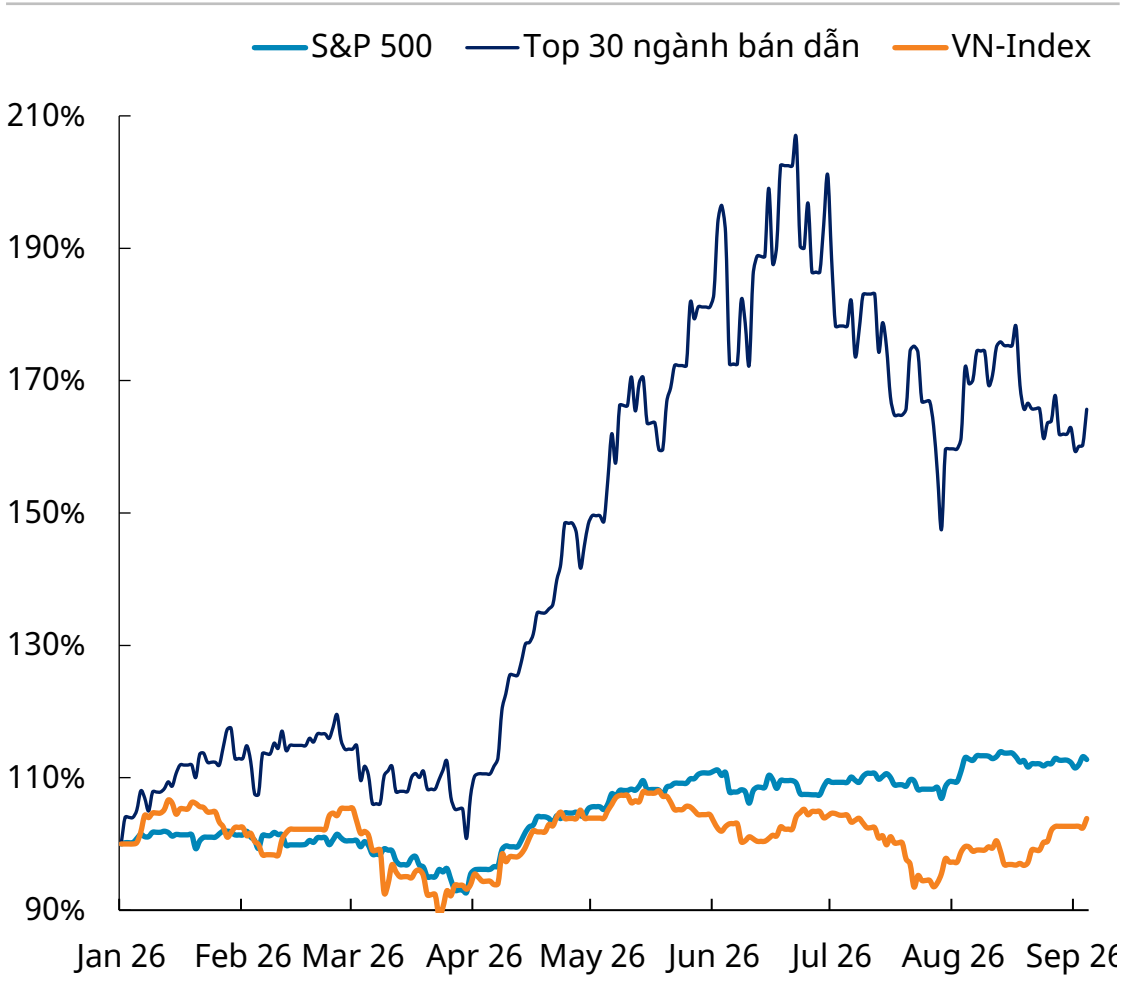
- Chỉ số DXY giảm gần 1% trong tuần xuống mức mức 98,8. Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ 0,2% WoW, với tỷ giá bán VCB ngày 21/8 là 26.280.
- NHNN bơm 27,5 nghìn tỷ đồng qua OMO trong tuần trước tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%. Lãi suất qua đêm ngày 20/8 giảm xuống 3% (-137bps WoW).
- **VN-Index hồi phục về mức 1768 điểm sau đợt sụt giảm ngày 17/8.** Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp (dưới 12 nghìn tỷ/ngày, giảm 22% WoW) cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Phiên giao dịch chiều ngày 21/8 cho thấy sự phục hồi tích cực trước khi FTSE Russel công bố danh sách cổ phiếu sẽ được thêm vào rổ chỉ số các thị trường mới nổi (với tỷ trọng 10% sẽ được giải ngân trong đợt 1 vào ngày 21/9).
- **Định giá:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E thấp (dưới ngưỡng trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn 3% và dưới ngưỡng trung bình dài hạn 24%). Đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.
- **Những yếu tố cần theo dõi:** 1) Rủi ro bên ngoài về địa chính trị, lạm phát cao và chính sách tiền tệ của các NHTƯ; 2) Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước; 3) Nâng hạng thị trường chứng khoán.
- **Ngưỡng hỗ trợ: 1650**. **Ngưỡng kháng cự: 1800**.

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Lợi suất trái phiếu toàn cầu tăng mạnh ở kỳ hạn dài

- **Chỉ số S&P 500 giảm 1,4% WoW kết tuần tại 7674 điểm, trong khi chỉ số các cổ phiếu ngành bán dẫn điều chỉnh giảm hơn 5% trong tuần trước.**
- **Tâm điểm tuần là việc lợi suất trái phiếu toàn cầu tăng mạnh ở kỳ hạn dài.** Lợi suất trái phiếu Mỹ kỳ hạn 30 năm đã tăng lên mức cao nhất kể từ 2007 là 5,28%, trong khi lợi suất kỳ hạn 10 năm cũng tăng lên 4,74% (gần chạm mức cao nhất kể từ đầu năm 2025).
- **Nỗ lực can thiệp nhằm kiềm chế lợi suất của Bộ Tài chính Mỹ**: Quy mô mua lại trái phiếu dài hạn có thể sẽ tăng ít nhất gấp đôi lên mức 4 tỷ USD trong quý tới. Động thái can thiệp này tiếp nối sau đợt can thiệp chung vào đồng yên Nhật (thông qua việc bán đồng euro) và đề nghị gửi tới Cục Dự trữ Liên bang (Fed) về việc nâng hạn mức cho cơ sở FIMA.
- **Lợi suất các kỳ hạn dài đã tăng vọt kể từ tháng 7 trong bối cảnh các công ty AI đẩy mạnh phát hành nợ và lo ngại mức thâm hụt tài khóa chính phủ gia tăng.** Lợi suất dài hạn cũng tăng sau khi Chủ tịch Fed Kevin Warsh hàm ý rằng tăng lãi suất có thể không phải là công cụ ưu tiên của ông để đối phó với tình trạng lạm phát cao, qua đó làm tăng thêm sự chú ý đối với các bài phát biểu tại hội nghị Jackson Hole trong tuần này.

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index

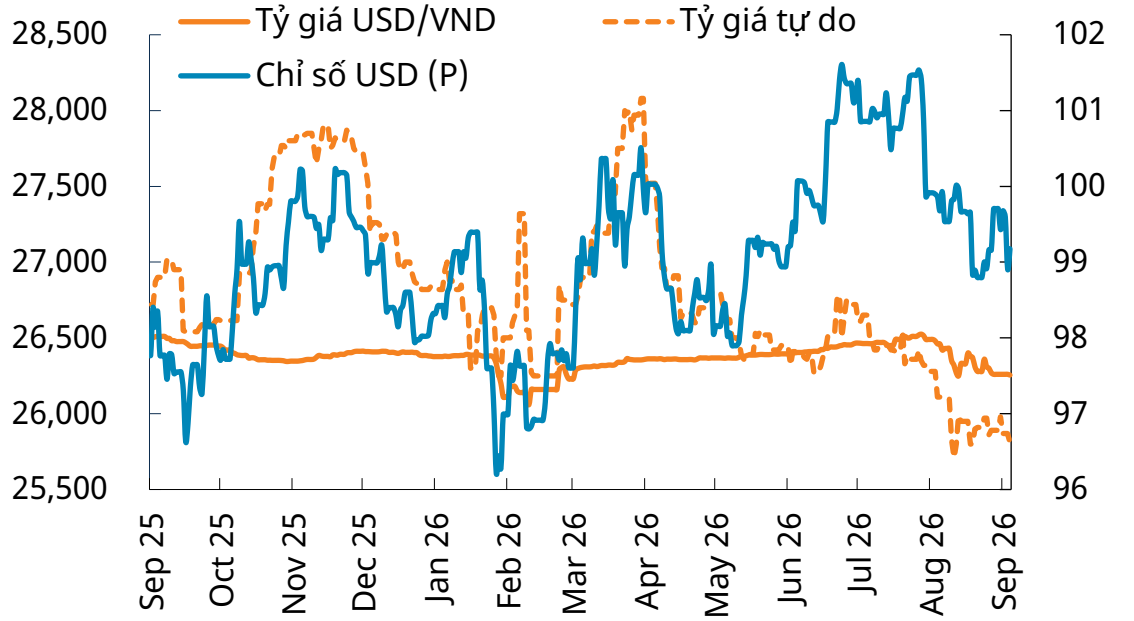


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **21/08/2026**

Áp lực tỷ giá giảm bớt

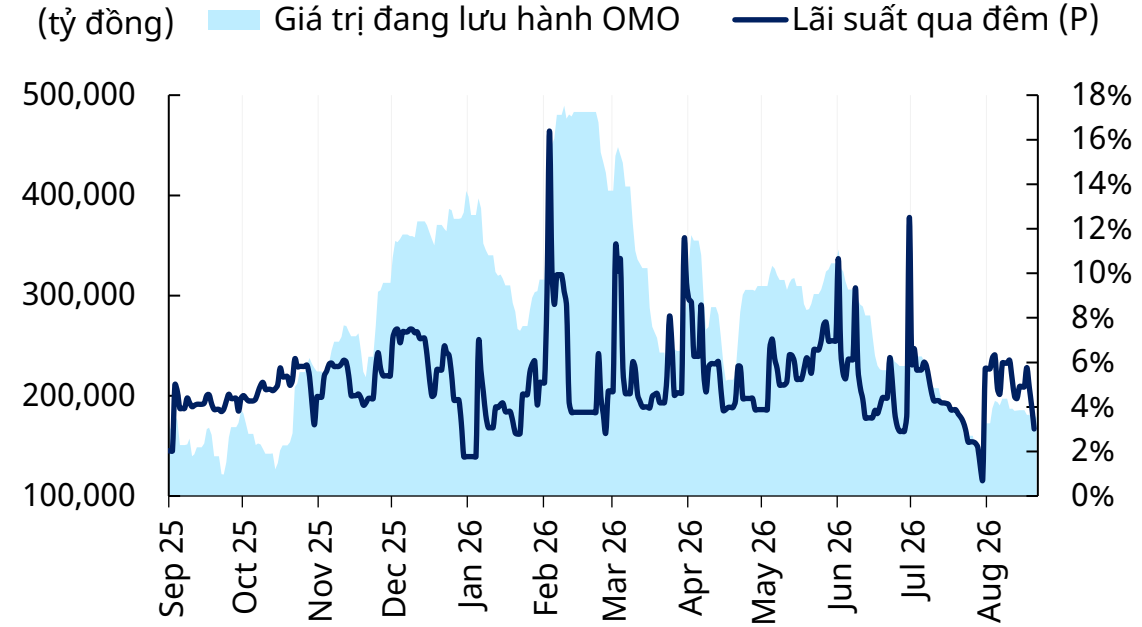
- **Chỉ số DXY giảm gần 1% trong tuần xuống mức mức 98,8.**
- **Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ**, với tỷ giá bán VCB ngày 21/8 là 26.280 (-0,2% WoW; -0,4% YTD) và tỷ giá trên thị trường tự do là 25.910 (-0,2% WoW; -3,4% YTD).
- Trong tuần 17–21/8, NHNN bơm 27,5 nghìn tỷ đồng qua OMO (mua kỳ hạn 7–91 ngày) tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%; theo đó, **thanh khoản thị trường liên ngân hàng giảm 7,8 nghìn tỷ đồng**. Lãi suất qua đêm ngày 20/8 giảm xuống 3% (-137bps WoW).

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg. FiinPro. NHNN. cập nhật tới **21/08/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



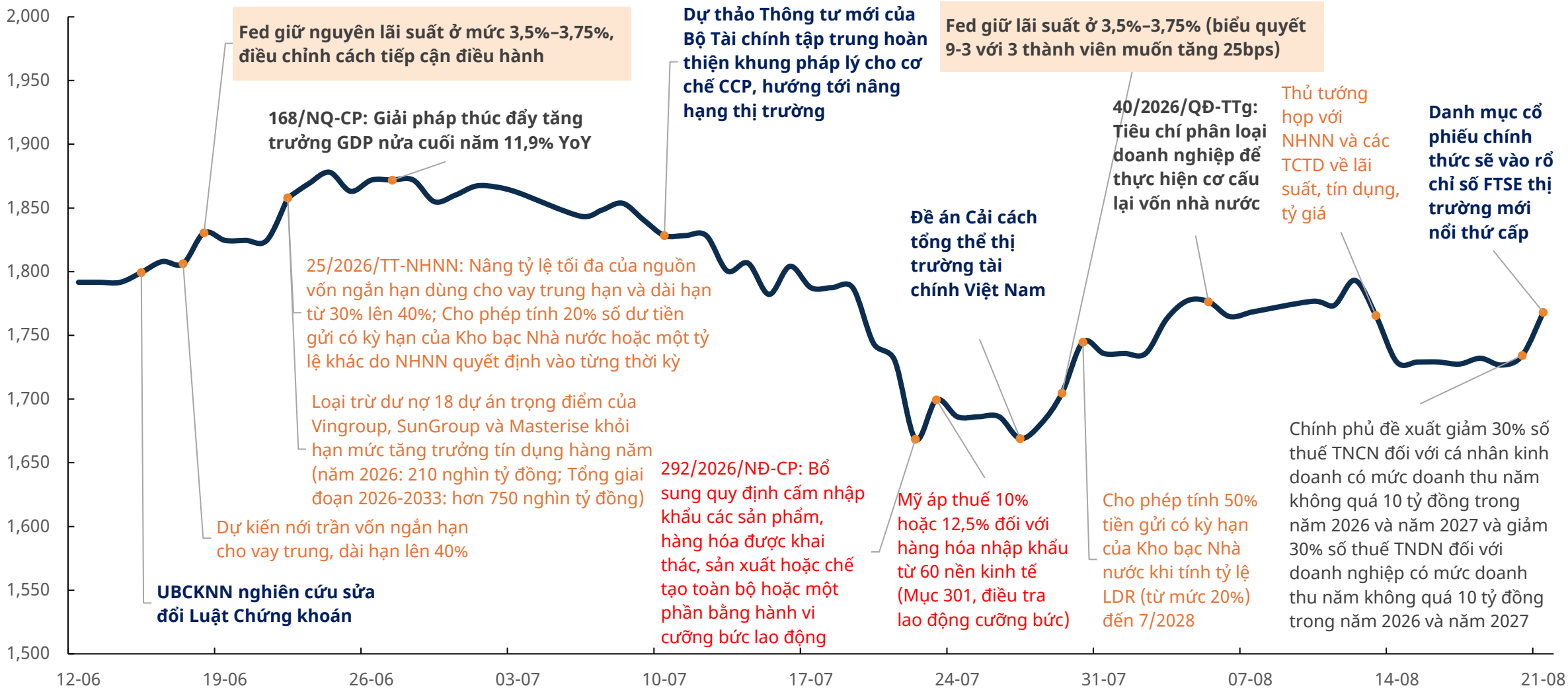
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN. **OMO cập nhật tới 21/08/2026. lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 20/08/2026**

FTSE Russel đã công bố danh sách cổ phiếu sẽ được thêm vào rổ chỉ số các thị trường mới nổi

	Mã cổ phiếu	Ngành	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Large	VCB	Ngân hàng	493,820	59,100	59,100	54,500	2.2	1.0	4.2	-8.9	11.9	2.0	18.0	20.1	9.9
	VIC	Bất động sản	1,591,248	205,000	217,000	199,900	1.5	2.3	-5.7	-6.3	69.7	9.3	14.2	3.1	44.9
	VHM	Bất động sản	589,003	71,700	71,900	63,450	3.2	5.1	5.1	-10.3	7.4	2.3	33.8	6.6	43.5
Mid	BID	Ngân hàng	287,018	36,900	36,950	33,554	2.9	3.1	7.1	-10.0	8.7	1.5	16.5	17.5	12.5
	HPG	Nguyên vật liệu	183,213	21,700	21,750	20,500	2.6	2.1	4.3	-10.1	7.9	1.3	17.6	21.7	27.3
	VPB	Ngân hàng	203,902	25,700	25,700	24,450	3.2	2.4	1.4	-4.8	6.8	1.1	18.3	22.8	7.2
Small	FPT	CNTT	123,432	72,000	72,000	64,600	3.2	5.4	11.1	-5.9	12.3	3.1	27.3	27.4	21.7
	GEX	Xây dựng cơ bản	34,347	26,250	26,250	20,750	6.9	6.5	19.0	-25.0	25.0	1.7	8.0	6.6	43.4
	HDB	Ngân hàng	136,644	27,300	27,300	25,400	1.7	3.2	1.3	5.6	6.9	1.6	25.8	21.6	5.4
	HCM	Dịch vụ tài chính	35,504	26,300	26,600	25,150	4.8	4.4	2.1	4.0	24.5	2.2	10.7	34.0	15.0
	MCH	Tiêu dùng thiết yếu	182,383	139,500	140,000	133,500	1.1	2.0	1.2	6.5	25.8	9.7	39.4	15.6	84.4
	MSN	Tiêu dùng thiết yếu	101,934	69,800	70,200	63,500	2.5	5.3	7.6	-8.4	15.0	2.7	19.5	24.1	75.9
	NVL	Bất động sản	32,068	13,350	13,450	12,550	2.7	0.8	6.0	-6.2	7.2	0.6	9.6	4.1	44.9
	SHB	Ngân hàng	63,590	11,900	11,950	11,500	2.6	1.3	0.8	-12.5	4.6	0.7	17.5	3.5	26.6
	STB	Ngân hàng	140,826	74,700	75,400	71,000	0.3	3.3	2.8	5.5	23.0	2.2	5.0	11.0	19.0
	SSB	Ngân hàng	52,461	15,300	15,750	14,850	1.3	1.7	-2.2	11.4	18.1	1.2	7.1	0.2	29.8
	SSI	Dịch vụ tài chính	62,028	20,750	20,750	18,667	7.0	1.6	7.3	-8.1	12.2	1.5	13.9	30.1	69.9
	TCX	Dịch vụ tài chính	113,753	41,000	41,700	39,300	3.8	4.7	-1.0	-2.0	18.2	2.5	16.1	9.1	90.9
	VNM	Tiêu dùng thiết yếu	133,339	63,800	64,100	58,400	-0.3	3.6	9.2	8.1	13.5	4.2	31.1	49.7	50.3
	VCI	Dịch vụ tài chính	25,464	22,100	22,100	19,550	6.8	1.4	9.7	-10.2	15.8	1.5	9.8	17.1	82.9
	VJC	Vận tải	95,752	124,500	131,600	122,100	0.9	1.1	-4.8	-6.7	43.5	3.6	8.7	6.1	23.9
	MSB	Ngân hàng	49,608	15,900	16,250	15,350	1.0	-1.5	-1.2	10.0	8.4	1.1	13.9	7.3	22.7
	VRE	Bất động sản	57,490	25,300	25,300	21,750	4.8	5.6	9.8	-22.9	7.9	1.2	15.5	11.1	37.9
	VPL	Bất động sản	137,905	76,900	76,900	73,500	2.5	3.2	-0.9	-17.8	54.7	3.6	6.8	6.3	42.7
	VIX	Dịch vụ tài chính	34,733	13,500	13,500	11,381	6.7	5.4	13.4	-25.8	6.5	1.1	15.7	7.0	93.0
	VND	Dịch vụ tài chính	25,727	16,900	17,400	15,850	7.0	4.0	-1.5	3.4	9.5	1.2	13.1	8.6	91.4
	VCK	Dịch vụ tài chính	74,022	30,400	30,400	29,100	4.5	2.7	1.7	-9.3	10.2	2.5	19.3	3.6	96.4

Nguồn: FTSE Russel. Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp các dữ liệu liên quan từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **21/08/2026**.

TTCK phục hồi sau khi FTSE Russel công bố danh sách cổ phiếu vào rổ chỉ số các thị trường mới nổi



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, **cập nhật tới 21/08/2026**

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1768,12 (+2% WoW) – Phục hồi với thanh khoản thấp

- **VN-Index hồi phục về mức 1768 điểm sau đợt sụt giảm ngày 17/8.** Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp (dưới 12 nghìn tỷ/ngày, giảm 22% WoW) cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Phiên giao dịch chiều ngày 21/8 cho thấy sự phục hồi tích cực trước khi FTSE Russel công bố danh sách cổ phiếu sẽ được thêm vào rổ chỉ số các thị trường mới nổi (với tỷ trọng 10% sẽ được giải ngân trong đợt 1 vào ngày 21/9).

- **Bất động sản**: Nhóm cổ phiếu Vingroup phục hồi (VIC: +2,3%, VHM: +5,1%, VPL: 3,2%; VRE: +5,6% WoW) khi được FTSE thêm vào rổ chỉ số các thị trường mới nổi (vốn hóa lớn gồm VIC và VHM; nhỏ gồm VPL và VRE).

- **Dịch vụ tài chính:** Nhiều cổ phiếu chứng khoán tăng trần ngày 21/8 với kỳ vọng tích cực về nâng hạng thị trường và dự thảo Luật Chứng khoán sửa đổi sẽ được trình Quốc hội vào kỳ họp tháng 10.

- **Dầu khí:** Các cổ phiếu nổi bật trong tuần như BSR (+5,9% WoW) và PLX (+8,3% WoW). Dòng tiền vào ngành dầu khí tiếp tục duy trì ở mức tích cực nhờ 2 kỳ vọng: 1) dự thảo Luật Dầu khí (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội thông qua và 2) Quyết định 40/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước.

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	**8,501**	**100%**	**2%**	8%	**-22%**
Bất động sản	2,701	32%	3%	23%	-28%
Ngân hàng	2,615	31%	1%	8%	-23%
Tiêu dùng thiết yếu	615	7%	3%	46%	6%
Dịch vụ tài chính	530	6%	3%	8%	-34%
Nguyên vật liệu	441	5%	2%	8%	-20%
Tiện ích	346	4%	6%	15%	-15%
Tiêu dùng không thiết yếu	306	4%	-2%	8%	-15%
Vận tải	278	3%	0%	62%	-4%
Xây dựng cơ bản	255	3%	2%	8%	-27%
Dầu khí	215	3%	6%	**77%**	-1%
CNTT	131	2%	5%	8%	-32%
Bảo hiểm	62	1%	1%	46%	-3%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **21/08/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Nhịp hồi phục có thể được củng cố nếu có sự cải thiện hơn về thanh khoản

- **Định giá:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E thấp (dưới ngưỡng trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn 3% và dưới ngưỡng trung bình dài hạn 24%). Đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

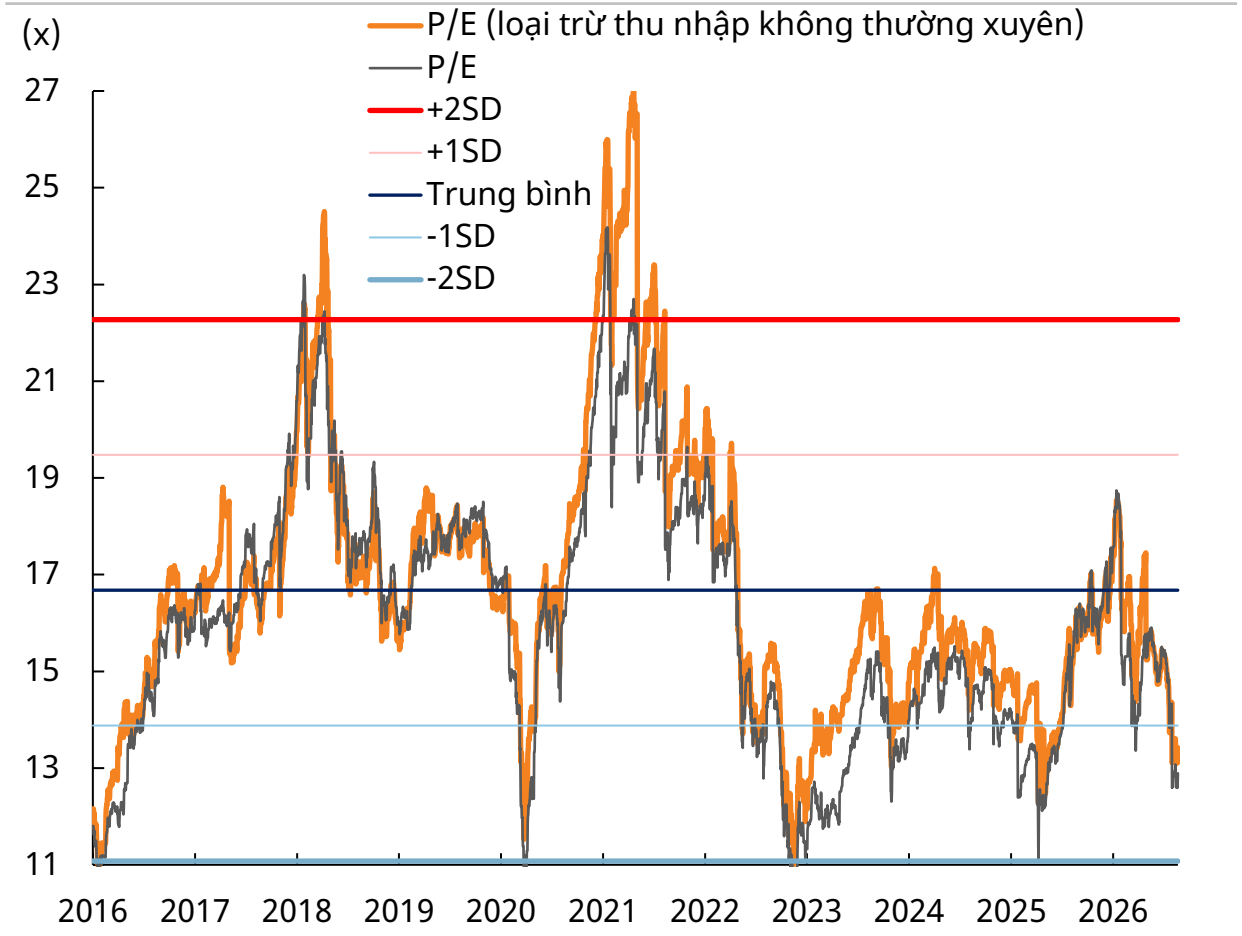
- **Những yếu tố cần theo dõi:**

    1) **Rủi ro bên ngoài** về địa chính trị, lạm phát cao và chính sách tiền tệ của các NHTƯ (đặc biệt là cuộc họp FOMC tháng 9)

    2) **Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước**. NHNN sẽ thường xuyên đánh giá "điểm cân bằng" giữa kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng, đồng thời xây dựng các kịch bản cụ thể đối với lãi suất, tỷ giá, cung tiền, thanh khoản và tín dụng nhằm duy trì thanh khoản, ổn định kỳ vọng thị trường cũng như tăng trưởng kinh tế.

    3) **Nâng hạng thị trường chứng khoán:** Việt Nam đang trong quá trình triển khai các giải pháp để đạt điều kiện nâng hạng của MSCI vào 2030.

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **21/08/2026**.
Ghi chú: Khung biến động P/E được tính theo chỉ số P/E được Bloomberg điều chỉnh loại trừ thu nhập không thường xuyên.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
VN-Index		**8,501,107**	**49.9**	**1,768.12**	**1,768.31**	**1,664.18**	**2.0**	**2.3**	**2.2**	**-6.8**	**13.4**	**2.0**	**16.2**	**13.3**	**30.9**
VN30 Index		**6,382,973**	**47.5**	**1,927.79**	**1,928.23**	**1,817.75**	**2.2**	**2.7**	**2.5**	**-4.9**	**11.3**	**2.0**	**18.2**	**16.2**	**22.7**
VN100 Index		**7,739,511**	**49.8**	**1,837.77**	**1,838.00**	**1,737.14**	**2.4**	**2.3**	**2.2**	**-5.9**	**11.2**	**1.6**	**15.7**	**14.5**	**29.0**
Bất động sản	VIC	1,591,248	30	205,000	217,000	199,900	1.5	2.3	-5.7	-6.3	69.7	9.3	14.2	3.1	44.9
	VHM	589,003	30	71,700	71,900	63,450	3.2	5.1	5.1	-10.3	7.4	2.3	33.8	6.6	43.5
	VPL	137,905	15	76,900	76,900	73,500	2.5	3.2	-0.9	-17.8	54.7	3.6	6.8	6.3	42.7
	VRE	57,490	40	25,300	25,300	21,750	4.8	5.6	9.8	-22.9	7.9	1.2	15.5	11.1	37.9
	BCM	44,143	4	42,650	42,650	37,850	5.0	-0.9	7.6	-21.7	21.5	2.0	9.2	0.4	33.6
	NVL	32,068	55	13,350	13,450	12,550	2.7	0.8	6.0	-6.2	7.2	0.6	9.6	4.1	44.9
	KBC	25,757	65	27,350	27,450	26,400	0.9	1.5	1.7	-13.4	22.3	1.0	4.7	7.1	41.9
	VPI	20,803	50	65,000	65,000	61,300	2.4	6.9	4.8	8.3	52.0	3.8	7.7	9.7	39.3
	KDH	20,200	65	18,000	18,350	17,100	5.0	1.7	0.6	-19.5	12.4	1.1	9.0	24.3	25.7
	DXG	14,647	80	11,550	11,550	10,800	6.5	0.4	5.0	-9.5	72.9	1.0	1.4	18.0	32.0
	SJS	14,130	80	47,500	47,500	46,100	0.6	0.4	0.2	-13.6	23.2	3.7	17.4	0.6	49.4
	PDR	12,273	60	12,300	12,450	11,800	4.2	2.9	-0.8	-23.4	19.7	1.0	4.9	7.0	43.0
	TAL	12,247	30	24,300	24,300	20,000	3.4	1.9	13.0	-22.8	15.1	2.2	16.2	9.9	39.1
	SIP	12,081	45	49,900	50,000	46,400	1.2	-0.2	6.3	-4.0	8.8	2.5	27.6	2.4	46.6
	NLG	11,645	80	24,000	24,250	22,550	2.3	5.3	3.0	-5.0	19.4	0.9	5.3	38.2	11.9
	TCH	11,310	60	12,400	12,700	11,550	6.9	3.8	-0.4	-20.5	37.8	1.0	2.9	9.1	41.9
	DIG	8,761	95	11,000	11,400	10,300	6.8	1.9	1.4	-19.1	11.3	0.9	8.3	2.6	46.5
	KOS	7,566	40	34,950	35,850	34,250	0.0	0.0	-2.9	-8.7	282.1	3.2	1.1	0.1	48.9
	HDG	6,654	60	16,350	16,800	15,700	3.8	0.9	-1.2	-23.5	9.1	1.0	11.3	15.9	34.1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **21/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Ngân hàng	VCB	493,820	11	59,100	59,100	54,500	2.2	1.0	4.2	-8.9	11.9	2.0	18.0	20.1	9.9
	BID	287,018	6	36,900	36,950	33,554	2.9	3.1	7.1	-10.0	8.7	1.5	16.5	17.5	12.5
	CTG	249,707	15	32,150	32,250	29,700	2.4	2.2	4.0	-8.0	6.2	1.3	22.2	24.7	5.3
	TCB	224,280	55	31,650	31,700	29,000	2.1	-1.1	6.2	-1.9	8.3	1.3	16.1	20.5	2.0
	VPB	203,902	55	25,700	25,700	24,450	3.2	2.4	1.4	-4.8	6.8	1.1	18.3	22.8	7.2
	MBB	193,139	50	20,850	20,850	18,506	2.7	4.3	10.9	1.5	6.7	1.4	22.1	22.2	1.1
	LPB	149,364	90	50,000	55,300	48,500	0.0	-4.6	-8.4	-6.0	13.2	3.5	27.0	1.5	3.5
	STB	140,826	95	74,700	75,400	71,000	0.3	3.3	2.8	5.5	23.0	2.2	5.0	11.0	19.0
	HDB	136,644	80	27,300	27,300	25,400	1.7	3.2	1.3	5.6	6.9	1.6	25.8	21.6	5.4
	ACB	132,051	85	22,750	23,100	21,900	3.6	2.7	-0.4	12.8	8.4	1.3	16.8	23.9	6.1
	SHB	63,590	75	11,900	11,950	11,500	2.6	1.3	0.8	-12.5	4.6	0.7	17.5	3.5	26.6
	SSB	52,461	55	15,300	15,750	14,850	1.3	1.7	-2.2	11.4	18.1	1.2	7.1	0.2	29.8
	VIB	50,209	55	14,750	15,100	14,350	2.4	2.4	-1.7	-7.2	6.8	1.0	16.2	3.3	1.7
	MSB	49,608	70	15,900	16,250	15,350	1.0	-1.5	-1.2	10.0	8.4	1.1	13.9	7.3	22.7
	TPB	41,056	55	14,800	14,800	13,900	2.1	2.8	1.7	-5.1	5.4	0.9	18.0	21.9	8.1
	OCB	33,381	30	10,900	11,000	10,050	0.0	-0.9	7.4	13.4	7.5	0.9	12.9	19.5	2.5
	EIB	32,411	80	17,400	18,100	16,400	3.0	1.5	-1.1	-18.7	65.9	1.2	1.9	1.2	28.8
	NAB	23,882	80	11,600	12,550	11,400	0.4	-0.9	-6.1	-5.7	5.1	0.9	19.9	1.0	29.0
Dịch vụ tài chính	TCX	113,753	15	41,000	41,700	39,300	3.8	4.7	-1.0	-2.0	18.2	2.5	16.1	9.1	90.9
	VCK	74,022	25	30,400	30,400	29,100	4.5	2.7	1.7	-9.3	10.2	2.5	19.3	3.6	96.4
	SSI	62,028	70	20,750	20,750	18,667	7.0	1.6	7.3	-8.1	12.2	1.5	13.9	30.1	69.9
	VPX	47,906	20	25,550	26,900	24,550	3.9	3.7	-4.1	-6.4	10.9	1.4	14.4	4.1	95.9
	HCM	35,504	55	26,300	26,600	25,150	4.8	4.4	2.1	4.0	24.5	2.2	10.7	34.0	15.0
	VIX	34,733	100	13,500	13,500	11,381	6.7	5.4	13.4	-25.8	6.5	1.1	15.7	7.0	93.0
	VND	25,727	75	16,900	17,400	15,850	7.0	4.0	-1.5	3.4	9.5	1.2	13.1	8.6	91.4
	VCI	25,464	75	22,100	22,100	19,550	6.8	1.4	9.7	-10.2	15.8	1.5	9.8	17.1	82.9
	DSE	9,893	35	23,100	23,100	21,450	3.1	4.8	6.7	5.0	37.5	1.8	5.0	10.7	89.3
	EVF	9,545	95	12,550	12,750	12,200	2.0	-0.4	1.6	-8.4	10.2	0.9	9.4	0.2	14.8
	FTS	8,766	40	23,000	23,250	21,550	6.7	4.8	4.5	-2.3	20.8	2.0	9.7	24.6	75.4
	BSI	7,922	14	29,350	29,600	27,700	6.0	4.4	1.7	-7.0	15.8	1.4	9.3	35.5	64.5
	CTS	6,343	25	23,300	23,700	21,800	6.9	4.0	3.1	9.2	16.8	2.2	14.0	0.4	48.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **21/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Bảo hiểm	BVH	48,919	10	65,900	66,600	57,100	-1.1	1.4	13.0	-8.7	16.5	1.9	12.2	27.4	21.6
Xây dựng cơ bản	GEE	43,682	14	68,200	72,000	65,000	4.9	1.0	-3.9	-39.9	12.3	5.4	47.9	0.9	49.1
	GEX	34,347	70	26,250	26,250	20,750	6.9	6.5	19.0	-25.0	25.0	1.7	8.0	6.6	43.4
	REE	28,716	35	46,100	46,500	43,850	1.1	0.4	1.1	-13.5	10.9	1.3	12.8	49.0	0.0
	VGC	18,427	12	41,100	41,550	38,000	1.4	2.0	5.4	-5.7	12.9	2.2	16.3	0.9	48.1
	BMP	11,911	45	145,500	152,700	143,000	1.3	-1.2	-4.7	4.4	9.3	4.2	45.4	82.4	17.7
	VCG	11,101	55	15,900	15,950	15,350	2.6	0.6	2.6	-17.4	2.9	1.0	39.0	2.0	47.0
	CII	9,878	95	14,700	14,850	13,800	3.9	5.4	5.8	-16.5	100.5	1.0	1.0	3.6	36.4
	CTR	9,864	35	77,000	77,500	66,300	0.3	1.3	12.2	-9.1	15.1	4.4	30.9	5.6	43.4
	PC1	8,472	60	20,600	20,750	19,650	2.5	0.5	0.2	1.5	8.2	1.3	16.6	8.4	41.6
	CTD	6,989	55	62,500	62,800	56,000	1.6	0.8	6.7	-16.0	8.3	0.7	9.2	46.8	2.2
	HHV	5,554	85	10,150	10,200	9,750	2.2	1.0	2.5	-9.3	8.7	0.5	5.8	10.3	38.7
Nguyên vật liệu	HPG	183,213	60	21,700	21,750	20,500	2.6	2.1	4.3	-10.1	7.9	1.3	17.6	21.7	27.3
	GVR	128,400	4	32,100	32,250	27,100	2.1	2.9	17.4	-11.3	20.2	2.2	11.2	0.6	12.4
	DCM	16,623	25	31,400	31,700	28,850	0.3	3.0	5.0	-24.2	7.2	1.5	21.3	5.4	43.6
	DPM	15,094	40	22,200	22,800	21,800	1.8	3.0	-1.8	-15.6	9.2	1.3	15.0	3.3	46.7
	HSG	8,759	70	10,850	10,850	10,150	3.3	2.8	2.8	-11.1	13.3	0.7	5.7	3.2	45.8
	PHR	8,293	35	61,200	61,200	56,800	2.0	5.0	4.8	-11.9	8.9	1.8	22.1	11.8	-11.8
	NKG	5,366	75	10,900	10,950	10,350	2.8	0.9	3.8	-12.5	32.2	0.7	2.2	4.8	45.2
	HT1	4,923	25	12,900	12,950	12,000	0.8	-0.8	5.7	-6.9	12.7	1.0	7.7	2.2	46.8
Vận tải	VJC	95,752	35	124,500	131,600	122,100	0.9	1.1	-4.8	-6.7	43.5	3.6	8.7	6.1	23.9
	GMD	33,011	95	77,400	77,800	72,000	0.5	-1.7	1.8	3.9	13.9	2.4	18.3	39.8	9.3
	VTP	11,081	40	54,600	55,200	47,950	-1.1	2.1	13.3	-7.0	32.4	6.0	19.3	3.7	45.3
	VSC	5,728	95	15,300	15,300	13,600	7.0	4.8	10.9	-25.7	16.7	1.0	6.7	2.9	46.1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **21/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	110,132	75	75,000	76,000	70,600	3.2	3.6	-1.2	-5.7	11.2	3.1	30.2	49.0	0.0
	FRT	25,660	55	143,500	147,500	104,800	-1.0	0.4	29.4	14.7	22.6	5.3	29.7	33.5	15.5
	PNJ	20,418	90	39,900	39,900	35,500	7.0	9.3	4.6	-38.9	7.1	1.5	21.2	44.5	4.5
	DGW	9,510	55	43,000	43,000	33,900	0.7	3.4	21.0	3.1	11.4	2.6	24.6	24.3	24.7
Tiêu dùng thiết yếu	MCH	182,383	20	139,500	140,000	133,500	1.1	2.0	1.2	6.5	25.8	9.7	39.4	15.6	84.4
	VNM	133,339	40	63,800	64,100	58,400	-0.3	3.6	9.2	8.1	13.5	4.2	31.1	49.7	50.3
	MSN	101,934	60	69,800	70,200	63,500	2.5	5.3	7.6	-8.4	15.0	2.7	19.5	24.1	75.9
	SAB	60,024	11	46,800	47,300	46,400	0.0	3.3	-0.4	-2.5	13.0	3.1	23.0	58.9	41.1
	SBT	21,573	60	23,800	24,000	20,600	0.0	2.1	14.1	10.2	30.4	1.9	6.5	19.7	80.3
	HAG	17,934	50	14,150	14,200	13,550	0.7	0.7	0.0	-8.7	5.1	1.1	26.7	1.7	47.3
	KDC	14,287	45	51,700	51,800	48,500	0.0	0.6	4.9	6.6	29.9	2.4	8.0	13.3	36.7
	BAF	11,857	70	32,500	32,500	28,850	0.9	3.2	10.5	13.4	117.9	2.7	2.8	3.0	47.1
	VHC	11,101	40	53,000	55,800	52,100	1.0	-2.6	-2.8	-9.9	8.1	1.2	15.4	18.4	81.6
	DBC	7,091	70	16,450	16,550	15,850	3.5	1.2	0.9	-15.3	6.1	0.8	14.3	1.3	47.7
	PAN	5,001	45	19,950	21,200	19,400	2.3	-0.7	-5.5	-25.7	4.1	0.9	22.6	21.7	27.3
	ANV	4,566	30	17,150	17,900	16,450	2.7	0.0	-2.3	-23.8	5.3	1.2	24.3	2.6	46.4
Dầu khí	BSR	134,446	8	26,850	27,200	22,600	-0.6	5.9	16.5	-12.5	6.8	1.8	30.1	1.2	47.8
	PLX	48,219	10	37,950	38,500	32,550	-0.7	8.3	16.2	-11.6	15.7	1.9	10.6	14.2	5.8
	PVD	17,256	50	18,600	18,800	17,350	1.4	3.6	0.5	-5.2	17.7	1.0	5.8	8.6	41.4
	PVT	10,571	50	20,450	21,000	16,500	0.5	2.5	25.5	-2.6	9.4	1.1	15.6	14.3	34.8
Tiện ích	GAS	201,481	5	83,500	83,800	64,400	0.0	9.9	22.8	-4.4	15.8	2.9	18.4	2.1	46.9
	POW	41,723	20	13,600	13,700	13,100	1.5	2.6	0.4	0.7	6.7	1.0	16.4	4.4	45.6
	BWE	10,720	25	42,650	44,520	42,000	0.0	-3.5	-3.1	-0.9	10.8	1.6	15.7	2.2	46.8
	NT2	6,161	30	21,400	21,800	21,150	0.7	0.9	-1.4	-7.0	5.0	1.2	26.5	10.2	38.8
CNTT	FPT	123,432	85	72,000	72,000	64,600	3.2	5.4	11.1	-5.9	12.3	3.1	27.3	27.4	21.7
	CMG	5,706	40	24,500	24,800	23,650	3.6	2.1	0.0	-12.2	13.8	1.8	13.4	36.4	13.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **21/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.